

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM NOVABELL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC PHẨM NOVABELL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NOVABELL PHARMACEUTICAL GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NOVABELL PHARMACEUTICAL GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0110426721

3. Ngày thành lập: 25/07/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

BT13-21 KĐT mới Phú Lương, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0967958835

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
5.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đầu giá)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thực phẩm, - Kinh doanh phụ gia thực phẩm - Bán buôn thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn thuốc hóa dược, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, nguyên liệu làm thuốc - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn dụng cụ y tế: Băng, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...; - Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: Máy đo huyết áp, máy trợ thính...	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại A, B, C	4659
16.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng)	4662
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn hóa chất được phép lưu hành - Kinh doanh nguyên liệu thực phẩm - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại.	4669
19.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
20.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
21.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161

22.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
23.	Dịch vụ đóng gói	8292
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Nhượng quyền thương mại - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
25.	Đào tạo trung cấp Chi tiết: dạy nghề	8532
26.	Lập trình máy vi tính	6201
27.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
28.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
29.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Không bao gồm hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
30.	Cổng thông tin Chi tiết: - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp - Thiết lập website thương mại điện tử bán hàng - Thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử	6312
31.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: các dịch vụ thông tin qua điện thoại; các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí.	6399
32.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Trừ: tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán, tài chính, tín dụng, chứng khoán, các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm giao dịch thẻ tín dụng, hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp, các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng)	6619
33.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động đại lý bảo hiểm	6622
34.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
35.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán, tài chính, tín dụng, chứng khoán)	7020
36.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
37.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212

38.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
39.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
40.	Quảng cáo (Trừ hoạt động quảng cáo)	7310
41.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ dịch vụ điều tra và các loại thông tin nhà nước cấm)	7320
42.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn chuyển giao công nghệ - Hoạt động môi giới bản quyền.	7490
43.	Cho thuê xe có động cơ	7710
44.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại hàng hóa nhà nước cấm)	4690
45.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
46.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
47.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
48.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
49.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
50.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
51.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
52.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
53.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
54.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
55.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
56.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
57.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
58.	Sản xuất đường	1072
59.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
60.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
61.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
62.	Sản xuất chè	1076
63.	Sản xuất cà phê	1077
64.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079(Chính)
65.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
66.	Sản xuất rượu vang	1102
67.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
68.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104

69.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
70.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
71.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ loại nhà nước cấm)	1820
72.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
73.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
74.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các loại hương liệu chiết xuất từ tự nhiên, - Sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng trong hóa mỹ phẩm và thực phẩm; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất. - Sản xuất giêlatin và dẫn xuất giêlatin, keo hồ và các chất đã được pha chế, bao gồm keo cao su; - Sản xuất chất giống nhựa; - Sản xuất các-bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hoá chất khác sử dụng trong công nghiệp; Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm;	2029
75.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
76.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
77.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ nhựa, nhựa phụ gia, hạt nhựa, sản xuất bao bì nhựa;	2220
78.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
79.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
80.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
81.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
82.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4789
83.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet. - Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại; (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
84.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ;	4799
85.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
86.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933

87.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kho ngoại quan)	5210
88.	Bốc xếp hàng hóa	5224
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ các hoạt động liên quan vận tải hàng không)	5229
91.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
92.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
93.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
94.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể. - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng	5629
95.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm.	5820
96.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
97.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
98.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Không bao gồm cung ứng, môi giới lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động đi nước ngoài)	7830
99.	Đại lý du lịch	7911
100.	Điều hành tua du lịch	7912
101.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
102.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
103.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
104.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
105.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
106.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
107.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
108.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

109.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
110.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
111.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)	4764
112.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
113.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
114.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Trừ bán súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Trừ bán lẻ tem và tiền kim khí, vàng, Trừ hoạt động của đấu giá viên	4773

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ THỊ HỢP	LK 279 Khu dịch vụ Đào Đất, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	0361820063 61	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000		
2	PHẠM ĐỨC THUẬN	BT13-18 KĐT mới Phú Lương, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	0360800050 91	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		

3	NGUYỄN VĂN LY	LK 449 Khu dịch vụ Đào Đất, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	45,000	001080049610
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	45,000	
4	NGUYỄN QUANG HẢI	Căn hộ số 40 - Nhà C6, Tập Thể Trung Tự, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	034079030025
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM ĐỨC THUẬN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 10/10/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036080005091

Ngày cấp: 27/04/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *BT13-18 KĐT mới Phú Lương, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *BT13-18 KĐT mới Phú Lương, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội